

Số: 02/2021/QĐST - HNGĐ

Kon Rẫy, ngày 05 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST – HNGĐ ngày 16/12/2021, chuyển số 05/2021/TLST - HNGĐ ngày 04/01/2021 về “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Y Mị N, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: thôn 1, thị trấn Đăk R, huyện Kon R, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn*: Anh A T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: thôn 2, thị trấn Đăk R, huyện Kon R, tỉnh Kon Tum.

- *Tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch huyện K.

Địa chỉ: thôn 1, xã Tân L, huyện Kon R, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/01/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Y Mị N và anh A T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Y Mị N và anh A T thỏa thuận - Thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Y Mị N và anh A T có hai con chung.

Chị Y Mị N và anh A T thỏa thuận: Giao cháu A Lân, sinh ngày 27/3/2012 cho anh A T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A Lân đủ 18 tuổi; giao cháu Y Nin Trân, sinh ngày 24/12/2017 cho chị Y Mị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Y Nin Trân đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh, chị được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về khoản nợ:* Chị Y Mị N và anh A T thỏa thuận anh A T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Kon Rẫy số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) khi đến hạn thanh toán. Phương thức thanh toán theo khế ước đã được ký giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch huyện Kon R với Y Mị N.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Y Mị N và anh A T mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nương nhận nộp thay cho anh Tân, tổng cộng chị Nương phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền 800.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0001683 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy. Hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị Nương.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- Phòng KTNV&THA -TAND tỉnh Kon Tum;

- UBND thị trấn Đắk RVer;
- Các đương sự; Lưu HSVA.

Đồng Thị Bình